

Số: /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân hạng đối với các trường mầm non và phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Căn cứ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tạm thời phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3260/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân hạng đối với các trường mầm non và phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Trách nhiệm của các trường mầm non và phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Sử dụng hạng trường được Sở Giáo dục và Đào tạo phân hạng để làm cơ sở chi trả mức phụ cấp chức vụ đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ phó tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng và tổ phó tổ văn phòng các trường mầm non và phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT.

2. Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo khi có thay đổi về số lớp làm ảnh hưởng đến hệ số phụ cấp chức vụ để xem xét, quyết định phân hạng trường theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Giáo dục Mầm non, Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học, Trưởng phòng Giáo dục Trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan có liên quan và các trường mầm non và phổ thông công lập có tên trong danh sách đính kèm nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCCB (VC).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC PHÂN HẠNG**

(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2024 của
Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Đơn vị	Số lớp (tính từ ngày 01/9/2023)	Phân hạng			Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	
I. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN						
Mầm non						
1	Trường Mầm non Nam Sài Gòn	12	x			
Phổ thông						
2	Trường Trung học phổ thông Nam Sài Gòn	70	x			
3	Trường Trung học phổ thông Quốc tế Việt Úc	7			x	
II. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN						
Mầm non						
4	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	18	x			
5	Trường Mầm non Thành phố	17	x			
Phổ thông						
6	Trường Trung học phổ thông Bùi Thị Xuân	51	x			
7	Trường Trung học phổ thông Trưng Vương	48	x			
8	Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa	106	x			
9	Trường Trung học phổ thông Ten Lơ Man	38	x			
10	Trường Trung học phổ thông Lương Thế Vinh	62	x			
11	Trường Trung học phổ thông Giồng Ông Tố	34	x			
12	Trường Trung học phổ thông Thủ Thiêm	39	x			
13	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	43	x			
14	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	49	x			
15	Trường Trung học phổ thông Marie Curie	80	x			
16	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Diệu	40	x			
17	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	42	x			
18	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Thọ	45	x			
19	Trường Trung học phổ thông Hùng Vương	70	x			
20	Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong	81	x			
21	Trường Trung học phổ thông Trần Khai Nguyên	50	x			
22	Trường Trung học phổ thông Trần Hữu Trang	23		x		
23	Trường Trung học phổ thông Mạc Đĩnh Chi	73	x			
24	Trường Trung học phổ thông Bình Phú	45	x			
25	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	50	x			
26	Trường Trung học phổ thông Phạm Phú Thứ	46	x			
27	Trường Trung học phổ thông Lê Thánh Tôn	39	x			
28	Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền	45	x			
29	Trường Trung học phổ thông Tân Phong	40	x			
30	Trường Trung học phổ thông Lương Văn Can	43	x			
31	Trường Trung học phổ thông Ngô Gia Tự	41	x			
32	Trường Trung học phổ thông Tạ Quang Bửu	42	x			

TT	Đơn vị	Số lớp (tính từ ngày 01/9/2023)	Phân hạng			Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	
33	Trường Trung học phổ thông chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định	43	x			
34	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh	29	x			
35	Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	41	x			
36	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	44	x			
37	Trường Trung học phổ thông Phước Long	37	x			
38	Trường Trung học phổ thông Long Trường	37	x			
39	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tăng	39	x			
40	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du	51	x			
41	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	49	x			
42	Trường Trung học phổ thông Nguyễn An Ninh	46	x			
43	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Diên Hồng	39	x			
44	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Sương Nguyệt Anh	37	x			
45	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hiền	41	x			
46	Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa	46	x			
47	Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải	53	x			
48	Trường Trung học phổ thông Thạnh Lộc	41	x			
49	Trường Trung học phổ thông Võ Trường Toản	45	x			
50	Trường Trung học phổ thông Trường Chinh	55	x			
51	Trường Trung học phổ thông Thanh Đa	39	x			
52	Trường Trung học phổ thông Gia Định	64	x			
53	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu	58	x			
54	Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu	45	x			
55	Trường Trung học phổ thông Hoàng Hoa Thám	54	x			
56	Trường Trung học phổ thông Trần Văn Giàu	46	x			
57	Trường Trung học phổ thông Gò Vấp	40	x			
58	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Công Trứ	57	x			
59	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	58	x			
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	51	x			
61	Trường Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt	38	x			
62	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cừ	43	x			
63	Trường Trung học phổ thông Bà Điểm	45	x			
64	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	36	x			
65	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Tiến	35	x			
66	Trường Trung học phổ thông Phạm Văn Sáng	45	x			
67	Trường Trung học phổ thông Phú Nhuận	57	x			
68	Trường Trung học phổ thông Hàn Thuyên	39	x			
69	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền	53	x			
70	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh	48	x			
71	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thái Bình	46	x			
72	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	53	x			
73	Trường Trung học phổ thông Tân Bình	48	x			
74	Trường Trung học phổ thông Tây Thạnh	62	x			
75	Trường Trung học phổ thông Lê Trọng Tấn	45	x			
76	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Huân	53	x			
77	Trường Trung học phổ thông Thủ Đức	52	x			
78	Trường Trung học phổ thông Tam Phú	37	x			
79	Trường Trung học phổ thông Hiệp Bình	41	x			

TT	Đơn vị	Số lớp (tính từ ngày 01/9/2023)	Phân hạng			Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	
80	Trường Trung học phổ thông Đào Sơn Tây	45	x			
81	Trường Trung học phổ thông An Nhơn Tây	37	x			
82	Trường Trung học phổ thông Củ Chi	47	x			
83	Trường Trung học phổ thông Trung Phú	48	x			
84	Trường Trung học phổ thông Quang Trung	36	x			
85	Trường Trung học phổ thông Trung Lập	22		x		
86	Trường Trung học phổ thông Phú Hòa	35	x			
87	Trường Trung học phổ thông Tân Thông Hội	39	x			
88	Trường Trung học phổ thông Đa Phước	30	x			
89	Trường Trung học phổ thông năng khiếu thể dục thể thao huyện Bình Chánh	32	x			
90	Trường Trung học phổ thông Bình Chánh	49	x			
91	Trường Trung học phổ thông Lê Minh Xuân	49	x			
92	Trường Trung học phổ thông Tân Túc	47	x			
93	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc B	45	x			
94	Trường Trung học phổ thông An Lạc	47	x			
95	Trường Trung học phổ thông Vĩnh Lộc	38	x			
96	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Hữu Cánh	42	x			
97	Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa	49	x			
98	Trường Trung học phổ thông Bình Tân	43	x			
99	Trường Trung học phổ thông Bình Khánh	19		x		
100	Trường Trung học phổ thông Cần Thạnh	18		x		
101	Trường Trung học phổ thông An Nghĩa	21		x		
102	Trường Trung học phổ thông Long Thới	25		x		
103	Trường Trung học phổ thông Phước Kiển	39	x			
104	Trường Trung học phổ thông Dương Văn Dương	39	x			
105	Trường Trung học phổ thông Linh Trung	53	x			
106	Trường Trung học phổ thông Phong Phú	29	x			
107	Trường Trung học phổ thông Hồ Thị Bi	49	x			
108	Trường Trung học phổ thông Dương Văn Thi	29	x			
109	Trường Trung học phổ thông Bình Chiểu	44	x			
110	Trường Trung học phổ thông Năng khiếu Thể dục Thể thao	14			x	
III. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THUỖNG XUYỀN						
Phổ thông						
111	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Thạnh An	11			x	

Danh sách có 111 đơn vị./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO